

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP DUY PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP DUY PHÁT
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUY PHAT AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DUY PHAT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109956114

3. Ngày thành lập: 05/04/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11 đường Cầu Bươu, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983711149

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống tưới và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống tưới và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620(Chính)

7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	4634
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
12.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha. (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	4661
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	4669
15.	Trồng lúa	0111
16.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
17.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
18.	Trồng cây mía	0114
19.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
20.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118

21.	Trồng cây ăn quả	0121
22.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
23.	Trồng cây điều	0123
24.	Trồng cây hồ tiêu	0124
25.	Trồng cây cao su	0125
26.	Trồng cây cà phê	0126
27.	Trồng cây chè	0127
28.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
29.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
30.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
31.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
32.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
33.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
34.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
35.	Chăn nuôi gia cầm	0146
36.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát; - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi. (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	0149
37.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
38.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
39.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
40.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
41.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
42.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
43.	Khai thác gỗ (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	0220
44.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
45.	Khai thác và thu gom than cứng (Trừ những loại Nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0510
46.	Khai thác và thu gom than non (Trừ những loại Nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0520
47.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	6619

48.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm (Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện pháp luật)	6622
49.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
50.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4721
51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica... (Trừ những loại Nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0899
53.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
54.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
55.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: - Sản xuất nước ép không cô đặc từ các loại rau và quả, không lên men và không chứa cồn. - Sản xuất nước ép hỗn hợp từ rau và quả. - Bảo quản rau, quả, hạt bằng phương pháp đông lạnh, sấy khô, ngâm dầu,... - Chế biến mứt sệt, mứt đóng khuôn và mứt dạng nước (thạch hoa quả); - Rang các loại hạt; - Chế biến thức ăn từ hạt và thức ăn sệt. - Bóc vỏ hạt điều, bóc vỏ đậu phộng; - Chế biến các thực phẩm cô đặc từ rau quả tươi; - Sản xuất thực phẩm từ rau quả dễ hỏng làm sẵn như: sa lát, rau đã cắt hoặc gọt, đậu để đông. - Chế biến và sản xuất hạt điều xuất khẩu	1030
56.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	1040
57.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
58.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
59.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
60.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
61.	Sản xuất đường	1072

62.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
63.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
64.	Sản xuất chè	1076
65.	Sản xuất cà phê	1077
66.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	1080
67.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	2011

68.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất hộp và can để đựng thức ăn, ống và hộp gấp lại được; - Sản xuất các chi tiết kim loại gia dụng như: Đồ dẹt: Đĩa nông lòng..., đồ nấu như: Nồi, ấm..., đồ ăn như: Bát, đĩa..., chảo, chảo rán và các đồ nấu không có điện để sử dụng trên bàn hoặc trong bếp, các thiết bị cầm tay nhỏ, miếng đệm làm sạch kim loại; - Sản xuất chậu tắm, chậu giặt và các đồ tương tự. - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gấp lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào dậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như: + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo, + Chuông, + Dụng cụ gài, uốn; - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược	2599
69.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
70.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
71.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ phân bón	4789

72.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô	4932
73.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
74.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
75.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ - Dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường thủy nội địa.	5022
76.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	5210
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: - Dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; - Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; - Dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không; - Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; - Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; - Dịch vụ kỹ thuật hàng không; (Không gồm dịch vụ đảm bảo hoạt động bay, dịch vụ không lưu, dịch vụ thông báo tin tức hàng không, dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn) (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5223
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan (bao gồm cả dịch vụ thông quan). - Dịch vụ vận tải đa phương thức. (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm và chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện pháp luật)	5229
80.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

81.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
82.	Đại lý du lịch	7911
83.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa Kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
84.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
85.	Xây dựng công trình thủy	4291
86.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
87.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
88.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Sản xuất đỉnh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đỉnh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như: + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo, + Chuông, + Dụng cụ gài, uốn; - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược	4299
89.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
90.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ phân bón, hạt, đất trồng cây cảnh. (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4773

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 10.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ANH TUÂN	Phòng 2606 T1, HACC1, Complex Bulding, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000.0 00	50.000.000.000	50,000	0220810000 57	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.000.0 00	50.000.000.000	50,000		
2	PHAN THỊ THU HƯƠNG	CH 2806 T3, Thăng Long Capital, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.0 00	25.000.000.000	25,000	132235692	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.500.0 00	25.000.000.000	25,000		

3	HOÀNG MINH	1/31/157 Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.000	25.000.000.000	25,000	036096012171
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.500.000	25.000.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/11/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022081000057

Ngày cấp: 24/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 2606 T1, HACCI, Complex Bulding, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 2606 T1, HACCI, Complex Bulding, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội